TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-PT
Ngày: 05-3-2020
V/v:"Tranh chấp buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự
Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh
Ông Nguyễn Tấn Long

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLPT-DS ngày 26/12/2019, về việc *"Tranh chấp buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo; giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

**** Bị đơn:***

+ Bà Bùi Thị C;

+ Bà Võ Thị Thu Ch;

+ Ông Võ Văn H;

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Võ Thị Thu Th

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Mẫn, chức vụ: Chủ tịch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Tôi và chồng là Võ Văn R kết hôn với nhau vào ngày 21/6/2000. Năm 2014 chồng tôi bệnh nặng và qua đời thì sau đó giữa tôi và gia đình chồng (các bị đơn) xảy ra tranh chấp liên quan đến tài sản chung của vợ chồng tôi. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết tại bản án số 13/2016/DS-ST, ngày 20/7/2016, theo đó, tôi được chia 434m^2 đất, trong đó có 100m^2 đất ở và 334m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Bản án có hiệu lực pháp luật, tôi đã thực hiện các thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện M cấp Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất nói trên thuộc thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 18 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/10/2017. Tuy nhiên, kể từ khi bản án số: 13/2016/DS-ST, ngày 20/7/2016 của Toà án nhân dân huyện M có hiệu lực pháp luật cho đến khi tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất thì các bị đơn gồm Bùi Thị C, Võ Thị Thu Ch, Võ Văn H và Võ Thị Thu Th thường xuyên có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của tôi đối với phần diện tích đất nói trên. Cụ thể, khi tôi làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M có phối hợp với UBND xã Đ đến thực địa để tiến hành xác định ranh mốc giới thửa đất và tôi có tiến hành chôn trụ để xác định mốc giới và làm hàng rào giữa thửa đất số 1693 và thửa đất số 1694 thì bị các bị đơn ngăn cản, nhổ trụ. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tôi có

mua vật liệu để sửa chữa nhà nhưng bị đơn cũng ngăn cản không cho tôi thực hiện các quyền sử dụng đất của mình. Tôi có báo cáo với chính quyền địa phương về hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bị đơn và địa phương có lập biên bản làm việc, giải thích nhưng bên bị đơn vẫn tiếp tục có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của tôi.

Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc các bị đơn gồm Bùi Thị C, Võ Thị Thu Ch, Võ Văn H và Võ Thị Thu Th phải chấp dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của tôi tại thửa đất số số 1693, tờ bản đồ số 18 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn bà Bùi Thị C trình bày:

Nguồn gốc căn nhà cấp IV gắn liền với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 18 diện tích 868m2 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là của ông Võ Văn R (con trai của bà C) do ông R nhận chuyển nhượng cua rông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ V vào năm 1998. Năm 2000, ông R kết hôn với bà N nhưng sống không có hạnh phúc nên ly hôn. Việc ly hôn và chia tài sản chung của ông R và bà N được xét xử nhiều lần qua nhiều cấp (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm do hủy án). Theo bản án gần nhất là bản án số 13/2016/DS-ST, ngày 20/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện M xác định căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất mà ông R đã nhận chuyển nhượng từ ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ V vào năm 1998 là tài sản chung của ông R, bà N và chia cho bà N phần diện tích 434m^2 đất, trong đó có 100m^2 đất ở và 334m^2 đất trồng cây hàng năm khác trong tổng số 868m^2 đất. Không thống nhất với kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, gia đình tôi đã có đơn kháng cáo nhưng sau đó Tòa phúc thẩm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm với lý do người kháng cáo vắng mặt nhưng thực tế gia đình tôi không được tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử phúc thẩm. Vì vậy, hiện tại gia đình tôi đã có đơn đề nghị giám đốc thẩm vụ án. Trong khi chưa có kết quả giám đốc thẩm và Cơ quan thi hành án dân sự huyện M chưa có Quyết định thi hành án đối với bản án số 13/2016/DS-ST, ngày 20/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện M nhưng bà N lại tự ý tiến hành chôn trụ mốc, làm hàng rào phân chia đất nên gia đình tôi (tôi và các con là Võ Thị Thu Ch, Võ Văn H và Võ Thị Thu Th) có ngăn cản, yêu cầu bà N giữ nguyên hiện trạng để chờ quyết định của cơ quan thi hành án.

Việc bà N tự ý phân chia đất khi chưa có quyết định thi hành án là không đúng theo quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình tôi. Tuy nhiên bà N cho rằng chúng tôi đã cản trở trái phép quyền sử dụng đất của bà N là không đúng.

Ngoài ra, việc bà N tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo bản án khi chưa có quyết định thi hành án nhưng UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N là không đúng theo quy định tại Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, xâm phạm đến quyền lợi của gia đình nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện M đã cấp cho bà Nguyễn Thị N vào ngày 06/10/2017 đối với diện tích 334m^2 đất thuộc thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 18 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Các bị đơn Võ Thị Thu Ch, Võ Văn H và Võ Thị Thu Th đều thống nhất theo ý kiến của bà Bùi Thị C về việc bà N tiến hành chôn trụ, làm rào, xây dựng... khi chưa có quyết định thi hành án là không đúng và ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị đơn nên đã ngăn cản và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại Công văn số 659/UBND-NC, ngày 02 tháng 7 năm 2019, UBND huyện M trình bày: Việc UBND huyện M cấp Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 334m^2 thuộc thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 18 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/10/2017 cho bà Nguyễn Thị N là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, Điều 34, Điều 39, các Điều 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 31 Luật tố tụng hành chính; Điều 98, điểm d khoản 01 Điều 99, Điều 106, khoản 5, khoản 7 Điều 166 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc các bị đơn gồm Bùi Thị C, Võ Thị Thu Ch, Võ Văn H và Võ Thị Thu Th phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của nguyên đơn tại thửa đất số 1693, tờ bản đồ số

18 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn Bùi Thị C đối với Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất mà UBND huyện M đã cấp cho bà N vào ngày 06/10/2017 tại thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 18 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 29/8/2019, bà Bùi Thị C nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, với lý do:

- Trong khi chưa có quyết định thi hành án về nội dung phân chia đất cho bà N theo bản án số 13/2016/DS-ST ngày 20/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện M, nhưng bà N tự ý mang vật liệu xây dựng, thuê người vào thửa đất tiến hành xây cọc hàng rào làm ranh giới ngăn cách là không đúng pháp luật.

- Việc Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 434m2 thuộc thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 18 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/10/2017 cho bà N trong khi chưa có quyết định thi hành án về nội dung phân chia đất cho bà N theo bản án số 13 là vi phạm qui định về thủ tục thi hành án dân sự qui định tại Điều 36 Luật Thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Bùi Thị C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Bản án số 13/2016/DS-ST ngày 20/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện M đã có hiệu lực pháp luật. Trên cơ sở bản án này, bà N nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các quyền của người sử dụng đất là đúng pháp luật. Việc bị đơn cản trở quyền của người sử dụng đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Bà C kháng cáo cho rằng chưa có quyết định thi hành án bản án số 13 của Tòa án nhân dân huyện M nên bà N không có quyền sử dụng thửa đất số 1693 là không đúng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Nguyễn Thị N được chia 434m^2 đất, trong đó có 100m^2 đất ở và 334m^2 đất trồng cây hàng năm khác theo bản án số 13/2016/DS-ST ngày 20/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện M (*gọi tắt là bản án số 13*). Bản án số 13 đã có hiệu lực pháp luật, không bị xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành (Điều 106 Hiến pháp năm 2013). Bà N là người có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất trên theo quyết định của bản án số 13/2016/DS-ST ngày 20/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện M đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Sau khi bản án số 13 có hiệu lực pháp luật, bà N đã thực hiện các thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện M cấp giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 434m^2 thuộc thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 18 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/10/2017. Bà N có đầy đủ các quyền của người sử dụng đất theo qui định tại Điều 166 Luật Đất đai 2013, trong đó có quyền được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình.

[3] Việc các bị đơn Bùi Thị C, Võ Thị Thu Ch, Võ Văn H và Võ Thị Thu Th có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà N là vi phạm pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai 2013, người sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phụ thuộc vào việc có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự. Việc UBND huyện M căn cứ bản án số 13 đã có hiệu lực pháp luật để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn cho rằng Ủy ban nhân dân huyện M vi phạm pháp luật khi cấp giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất trong khi chưa có quyết định thi hành án về nội dung phân chia đất cho bà N.

[5] Vì vậy, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị C;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2016/0004751 ngày 19/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tự